

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS HẬU GIANG

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2022-2023
HỌC KỲ 1 (Từ 05/9/2022)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giảm)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
1	Huỳnh Hạnh Diễm Phúc	Hiệu trưởng	BDHSG Toán	9/1;9/4		2	2	0
2	Trần Phước Thương	Phó Hiệu trưởng	BDHSG Tiếng Anh	9/1;9/4		4	4	0
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Hiệu trưởng	GD CD	7/1;7/2;7/3;7/4		4	4	0
4	Trần Minh Vũ	Giáo viên Tổng phụ trách	GDDP	6/2;6/8		2	2	0
5	Lê Thị Tuyết Vinh	Giáo viên	Tiếng Anh	7/5;7/7;8/2	CN 7/5	19	21	2
6	Ngô Minh Đạo	Giáo viên	Tiếng Anh	7/4;7/6;9/3;9/6	CN 7/6	19	22	3
7	Nguyễn Anh Nguyệt	Giáo viên	Tiếng Anh	6/7;6/8;6/9			7	Thỉnh giảng
8	Nguyễn Thị Bích Đào	Giáo viên	Tiếng Anh	6/3;6/5	CN 6/5;PCTCD	19	26	7
9	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Giáo viên	Tiếng Anh	6/1;6/4	CN 6/4;TTCD	19	24	5
10	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Giáo viên	Tiếng Anh	7/1;7/2	CN 7/1	19	23	4
11	Nguyễn Thị Thanh Hương	Giáo viên	Tiếng Anh	6/2;6/6;7/3		19	19	0
12	Nguyễn Tiến Cường	Giáo viên	Tiếng Anh	8/3;8/4;8/9;9/4;9/5		19	18	-1
13	Trần Anh Thư	Giáo viên	Tiếng Anh	8/1;8/5;9/2	CN 8/5	19	22.5	3.5
14	Võ Đoàn Anh Nguyễn	Giáo viên	Tiếng Anh	8/6;8/7;8/8;9/1;9/7	TTCM	19	21	2
15	Đinh Thị Vân Quỳnh	Giáo viên	Công Nghệ GDDP	K6 6/3;6/4;6/6	CN 6/6	19	19	0
16	Huỳnh Bảo Ngọc	Giáo viên	Công Nghệ	K8	PTN	19	21	2
17	Lâm Hoàng Yên	Giáo viên	Công Nghệ	K9	CN 9/6;CTCD	19	17.5	-1.5
18	Võ Thị Xuân Hải	Giáo viên	Công Nghệ GDDP	K7 6/5;6/9;K7		19	18	-1
19	Đinh Thị Suong	Giáo viên	Hướng nghiệp Địa	K9 8/2;8/3;8/7;8/8		19	22	3
20	Nguyễn Gia Mạnh	Giáo viên	LSDL Địa	6/1;6/2;6/5;6/6;6/7;6/8 8/1;8/4;8/5;8/6;8/9;K9	CN 8/6	19	23.5	4.5



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giám)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
21	Đoàn Thị Trang Nhã	Giáo viên	GDCCD	8/4;8/5;8/8;8/9			4	Thỉnh giảng
22	Nguyễn Kim Ly	Giáo viên	GDCCD	6/1;6/2;6/3;6/4;6/5;6/6;6/7;6/8;6/9; 7/5;7/6;7/7;K9	CN 6/3;UVBCHCD	19	30	11
23	Phạm Thị Mỹ Liên	Giáo viên	GDCCD	8/1;8/2;8/3;8/6;8/7			5	Thỉnh giảng
24	Nguyễn Thị Loan	Giáo viên	Hóa	8/1;8/2;8/3;8/4;8/5;8/9;9/3;9/4;9/5	PTN	17	21	4
25	Nguyễn Thị Thanh Hương	Giáo viên	Hóa	9/1;9/2;9/6;9/7		19	20	1
26	Trần Minh Hậu	Giáo viên	KHTN	6/3;6/5;6/6			6	Thỉnh giảng
27	Lê Minh Hiếu Thuận	Giáo viên	Hóa	8/6;8/7;8/8				
28	Nguyễn Thị Mỹ	Giáo viên	KHTN	6/4;6/7;6/9	CN 8/7;PTN;TTCM	19	22.5	3.5
29	Trần Thị Hoa	Giáo viên	Lý	8/2;8/6;8/7				
30	Trần Thị Kim Quyên	Giáo viên	KHTN	6/1;6/2;6/8	CN 8/3	19	20.5	1.5
31	Trần Việt Chương	Giáo viên	Sinh	8/3;8/6				
32	Nguyễn Thị Hồng Phương	Giáo viên	KHTN	7/1;7/2;7/3	PTN	19	21	2
33	Lâm Trung Quyên	Giáo viên	Sinh	9/5;9/6;9/7				
34	Hồ Anh Trí	Giáo viên	KHTN	7/4;7/5	CN 8/9	19	18.5	-0.5
35	Nguyễn Quốc Huy	Giáo viên	Sinh	8/4;8/5;8/9				
36	Lương Tài Hiền	Giáo viên	KHTN	7/6;7/7	CN 7/7	19	21	2
37	Võ Hồng Ân Huệ	Giáo viên	Lý	9/3;9/5;9/7				
38	Tăng Siêu Tuấn	Giáo viên	LSDL	7/2;7/3;7/4;7/5;7/6	CN 7/4;TTCM	19	28	9
39	Đào Thị Kim Dung	Giáo viên	Lý	8/1;8/3;8/4;8/5;8/8;8/9;9/1;9/2;9/4;9/6	CN 9/2;TTCM	19	21.5	2.5
40	Tô Hoài Thơ	Giáo viên	MT	K7;K8;9/3;9/4;9/5;9/6		19	20	1
41	Bành Phan Tấn Tài	Giáo viên	MT	K6;9/1;9/2;9/7	CN 6/8;TTCM	19	20	1
42	Lê Minh Tuấn	Giáo viên	Nhạc	K6;7/1;7/2;7/6;7/7		19	16	-3
			Nhạc	7/3;7/4;7/5;K8		19	12	-7
			Sinh	8/1;8/2;8/7;8/8;9/1;9/2;9/3;9/4	TTCM	19	19	0
			Sử	8/2;8/3;8/4;8/5;8/6;8/7;8/8;8/9		19	25	6
			LSDL	6/3;6/4;6/9				
			Sử	8/1;9/1;9/2;9/3;9/4;9/5;9/6;9/7				
			LSDL	7/1;7/7	CN 8/1	19	19.5	0.5
			T.Học	K7;9/4;9/5;9/6;9/7		19	17	-2
			GDDP	6/1;6/7		19	18	-1
			T.Học	K8		19	18	-1

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MÔN DẠY	Lớp dạy	Kiểm nhiệm	Định mức tiết dạy (19 - số tiết được giảm)	Tổng số tiết dạy thực tế	Số tiết dư
43	Phạm Huy Khanh	Giáo viên	T.Học	K6;9/1;9/2;9/3	TTCM	19	18	-1
44	Bùi Công Thành	Giáo viên	TD	6/1;6/2;6/3;6/4;6/5;8/3;8/4;8/5;8/6;8/7	TTCM	19	23	4
45	Hồ Trung Vũ	Giáo viên	TD	6/6;6/7;6/8;6/9;K9		19	22	3
46	Tôn Tấn Nhuận	Giáo viên	TD	K7;8/1;8/2;8/8;8/9		19	22	3
47	Bùi Xuân Dũng	Giáo viên	Toán	7/2;7/6;8/3;8/5	TTND	19	18	-1
48	Đặng Thành Trung	Giáo viên	Toán	7/1;7/5;7/7;9/3;9/5		19	20	1
49	Đinh Thị Phương	Giáo viên	Toán	6/4;6/5;6/6;6/9	CN 6/9	19	23	4
50	Đỗ Thị Mai Trinh	Giáo viên	Toán	6/1;6/2;6/8;7/4	CN 6/2	19	23	4
51	Phạm Thị Thảo	Giáo viên	Toán	8/4;8/6;8/7;9/2	CN 8/4	19	20.5	1.5
52	Trần Thị Cẩm Lệ	Giáo viên	Toán	8/2;8/9;9/1;9/6	CN 9/1;TTCD	19	21.5	2.5
53	Trần Thị Huệ Chi	Giáo viên	Toán	6/3;6/7;8/1;8/8	CN 8/8	19	20.5	1.5
54	Vũ Hà Nhật Thảo	Giáo viên	Toán	7/3;9/4;9/7	CN 9/7;TTCM	19	19.5	0.5
55	Dương Thị Thảo	Giáo viên	Văn	6/5;6/6;6/7;7/4	CN 6/7	19	23	4
56	Huyền Thị Bích Oanh	Giáo viên	Văn	8/1;8/4;9/3;9/7	CN 9/3;TTCM	19	25.5	6.5
57	Nguyễn Đức Hưng	Giáo viên	Văn	8/3;8/6;9/5;9/6	CN 9/5	19	22.5	3.5
58	Nguyễn Thị Kim Phương	Giáo viên	Văn	7/2;7/5;7/6;8/5	CN 7/2	19	23	4
59	Nguyễn Thị Lan	Giáo viên	Văn	8/7;8/9;9/1;9/4	CN 9/4;TKHD	19	24.5	5.5
60	Phạm Thị Thanh Thủy	Giáo viên	Văn	7/1;7/3;7/7;9/2	CN 7/3;TTCD	19	25	6
61	Trần Thị Như Thủy	Giáo viên	Văn	6/3;6/4;8/2;8/8	CN 8/2	19	20.5	1.5
62	Trương Ngọc Thủy	Giáo viên	Văn	6/1;6/2;6/8;6/9	CN 6/1	19	23	4

QUẬN 6, ngày 31 tháng 8 năm 2022
 TRƯỞNG TRƯỞNG
 HẬU GIANG
 HUYỆN HÀNH ĐIỂM PHÚC

